TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Chăn nuôi thú y

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
2	VEP221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Dịch tễ học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	1,2,3	D401	
4	VEP221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Dịch tễ học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	8,9,10	D302	
5	VAP321	2	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7,8	D302	
	VAP321	2	LT	Vũ Khắc Hùng	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7,8	D301	
6	VAP321	2	LT	Vũ Khắc Hùng	Công nghệ sản xuất và sử dụng văcxin-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	1,2,3	D401	
	VEP221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Dịch tễ học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7,8	D301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									
2	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
3	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	4,5	D302	
4	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
7	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2	D302	
	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	3,4	D302	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 23/08/2020									
2	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
	ABI221	2	LT	Cù Thị Thúy Nga	Hóa sinh động vật-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2	D202	
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	9,10	A102	
	HEA221	2	LT	Nguyễn Thu Trang	Tổ chức và phôi thai học-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	3,4	D202	
3	ABG231	3	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7	A102	
	GMO221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N01)/TYK51_1_20	55	8,9	A102	
4	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	8,9,10	D203	
	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7	A102	
	NBF231	3	LT	Nguyễn Hưng Quang	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	3,4	D202	
	ABI221	2	LT	Cù Thị Thúy Nga	Hóa sinh động vật-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2	D202	
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7	D203	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	8,9,10	A102	
5	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	9,10	D203	
	ABG231	3	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7	A102	
	NBF231	3	LT	Nguyễn Hưng Quang	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2	D202	
	HEA221	2	LT	Nguyễn Thu Trang	Tổ chức và phôi thai học-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	3,4	D202	
	GMO221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N01)/TYK51_1_20	55	8,9	A102	
6	ABG231	3	LT	Trần Huê Viên	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7	D203	
	ADA231	3	LT	Đặng Thị Mai Lan	Giải phẫu động vật (3TC)-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2,3	D202	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 13/09/2020									
2	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	4,5	D302	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2,3	D402	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7,8	D402	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
	AWS321	2	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Phúc lợi động vật-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	3,4,5	D403	
	EMA221	2	LT	Trần Văn Thăng	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	4,5	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	9,10	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	1,2	D403	
3	DDC321	2	LT	Đặng Thị Mai Lan	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N02)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	VAH321	2	LT	Phùng Đức Hoàn	Chăn nuôi động vật quý hiếm-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
	TAR321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7,8	D402	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
	HAH321	2	LT	Phạm Thị Phương Lan	Vệ sinh chăn nuôi-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
	VAH321	2	LT	Phùng Đức Hoàn	Chăn nuôi động vật quý hiếm-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	3,4,5	D303	
	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	4,5	D302	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2,3	D402	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
4	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
	VLA311	2	LT	Nguyễn Thị Thúy Mỵ	Luật thú y-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	8,9,10	D303	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	9,10	D403	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2	D303	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7	D303	
	EMA221	2	LT	Trần Văn Thăng	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	8,9,10	D404	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	8,9	D402	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	3,4,5	D403	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	1,2	D403	
5	DDC321	2	LT	Đỗ Thị Lan Phương	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N04)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	ZOO321	2	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Bệnh truyền lây giữa động vật và người-1-20 (N01)/TY49N03_1_20	55	8,9,10	D402	
	TAR321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	API321	2	LT	Phạm Diệu Thùy	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	1,2,3	D405	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	4,5	D403	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	4,5	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	9,10	D303	
6	VAH321	2	LT	Phùng Đức Hoàn	Chăn nuôi động vật quý hiếm-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
	API321	2	LT	Phạm Diệu Thùy	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	3,4	D405	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2,3	D402	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7	D403	
	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
	ONH321	2	LT	Trần Nhật Thắng	Một sức khỏe-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	1,2	D405	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	8,9	D402	
	AWS321	2	LT	Nguyễn Thị Thúy Mỵ	Phúc lợi động vật-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	2,3,4	D303	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
	AWS321	2	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Phúc lợi động vật-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	8,9	D403	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
	HAH321	2	LT	Phạm Thị Phương Lan	Vệ sinh chăn nuôi-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
7	DDC321	2	LT	Đỗ Thị Lan Phương	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N03)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
	VLA311	2	LT	Nguyễn Thị Thúy My	Luật thú y-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	ONH321	2	LT	Trần Nhật Thắng	Một sức khỏe-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
4	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N04)/TY K50N03_1_20	43	1,2,3	D401	
6	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N02)/TY K50N01_1_20	44	6,7,8	D302	
7	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N03)/TY K50N02_1_20	45	6,7,8	D301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 30/08/2020									
3	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	3,4,5	D402	
5	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2	D402	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 06/09/2020									
2	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	4,5	D402	
3	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
4	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	4,5	D402	
5	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	3,4,5	D402	
	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 04/10/2020									
2	SHU441	4	LT	Bùi Thị Thơm	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	8,9,10	D302	
	SHU441	4	LT	Bùi Ngọc Sơn	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7,8	D301	
3	SHU441	4	LT	Bùi Thị Thơm	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	8,9	D302	
	SHU441	4	LT	Nguyễn Đức Trường	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	3,4,5	D401	
4	SHU441	4	LT	Bùi Ngọc Sơn	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7	D301	
5	SHU441	4	LT	Nguyễn Đức Trường	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	3,4	D401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
5	BGE221	2	LT	Nguyễn Văn Duy	Cơ sở di truyền học-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	1,2	A401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 11/10/2020									
2	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7	D302	
	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	4,5	D401	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
3	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7	D301	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7	D302	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	8,9	D301	
	VDD231	3	LT	Nguyễn Thị Ngân	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	1,2	D401	
4	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7	D302	
	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	8,9	D301	
	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	4,5	D401	
5	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	9,10	D302	
	VDD231	3	LT	Nguyễn Thị Ngân	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	1,2	D401	
7	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	9,10	D301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 15/11/2020									
3	GMO221	2	LT	Vi Đại Lâm	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N02)/CNTPK51_1_20	45	4,5	A401	
6	GMO221	2	LT	Nguyễn Thị Mai Thảo	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N03)/TTK51_1_20	35	3,4	A302	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 13/09/2020									
3	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	3,4	D402	
5	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2	D402	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 15/11/2020									
2	HEA221	2	LT	Nguyễn Thu Trang	Tổ chức và phôi thai học-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	3,4	D202	
3	ABG231	3	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
4	NBF231	3	LT	Nguyễn Hưng Quang	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	3,4,5	D202	
	ABI221	2	LT	Cù Thị Thúy Nga	Hóa sinh động vật-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2	D202	
5	GMO221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N01)/TYK51_1_20	55	6,7	A102	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 18/10/2020									
2	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	9,10	A102	
4	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	8,9,10	A102	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 01/11/2020									
6	ABG231	3	LT	Trần Huê Viên	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 25/10/2020									
2	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
4	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	8,9,10	D203	
	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7	A102	
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7	D203	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
5	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	9,10	D203	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 08/11/2020									
6	ADA231	3	LT	Đặng Thị Mai Lan	Giải phẫu động vật (3TC)-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2,3	D202	
7	PPU611	1	LT	Từ Trung Kiên	RN1: Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	Bệnh Xá TY3	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 20/09/2020									
3	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
4	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	7,8,9,10	BM CNDV&NTTS	
5	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	3,4	D302	
6	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	4,5	D302	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 27/09/2020									
2	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	4,5	D402	
4	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	4,5	D402	
5	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	4,5	D402	
6	VID332	3	LT	Phan Thị Hồng Phúc	Bệnh nội khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	7,8,9,10	BM Bệnh DV	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 27/09/2020									
2	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2,3	D402	
3	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	3,4	D402	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	7,8,9,10	BM Bệnh DV	
4	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	7,8,9,10	BM Cơ sở	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	1,2,3	D402	
5	TAR321	2	LT	Trần Văn Thăng	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	2,3	D402	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	7,8,9,10	BM Bệnh DV	
6	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55	2,3	D402	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 20/09/2020									
3	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	7,8,9	D303	
5	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	7,8,9,10	BM CNDV&NTTS	
6	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 01/11/2020									
	SHU441	4	LT	Bùi Thị Thơm	Chăn nuôi chuyên khoa 1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	9,10	D302	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
2	SHU441	4	LT	Bùi Ngọc Sơn	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	1,2,3,4	BM CNDV&NTTS	
	SHU441	4	LT	Bùi Ngọc Sơn	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7	D301	
3	SHU441	4	LT	Bùi Thị Thơm	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	9,10	D302	
	SHU441	4	LT	Nguyễn Đức Trường	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	4,5	D401	
4	SHU441	4	LT	Bùi Ngọc Sơn	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7	D301	
	SHU441	4	LT	Nguyễn Đức Trường	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	6,7,8,9	BM Cơ sở	
5	DDC321	2	LT	Đặng Thị Mai Lan	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2,3	D404	
	SHU441	4	LT	Nguyễn Đức Trường	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	3,4	D401	
6	SHU441	4	LT	Bùi Thị Thơm	Chăn nuôi chuyên khoa-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	1,2,3,4	BM Bệnh DV	
8	DDC321	2	LT	Đặng Thị Mai Lan	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2,3	D404	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 25/10/2020									
3	VID321	2	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Bệnh nội khoa thú y (2TC)-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	4,5	D404	
	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2,3	D404	
4	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2	D404	
5	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	4,5	D404	
6	VID321	2	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Bệnh nội khoa thú y (2TC)-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	8,9	D502	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 15/11/2020									
2	FSH321	2	LT	Lê Minh Châu	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2,3	D404	
3	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N02)/CNTY49N01_1_20	72	8,9,10	D502	
6	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N02)/CNTY49N01_1_20	72	1,2	D404	
	HAH321	2	LT	Nguyễn Thu Quyên	Vệ sinh chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	3,4,5	D404	
7	FSH321	2	LT	Lê Minh Châu	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2	D404	
	HAH321	2	LT	Nguyễn Thu Quyên	Vệ sinh chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	3,4	D404	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 08/11/2020									
2	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
3	DDC321	2	LT	Đặng Thị Mai Lan	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N02)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	9,10	D403	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
4	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2	D303	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7	D303	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	8,9	D402	
5	DDC321	2	LT	Đỗ Thị Lan Phương	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N04)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	4,5	D403	
6	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7	D403	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	8,9	D402	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	8,9	D403	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
7	DDC321	2	LT	Đỗ Thị Lan Phương	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N03)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 25/10/2020									
2	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7	D302	
	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	4,5	D401	
	EMA221	2	LT	Trần Văn Thăng	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	4,5	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	9,10	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	1,2	D403	
3	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7	D301	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7	D302	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	8,9	D301	
	API321	2	LT	Phạm Diệu Thùy	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	1,2,3,4	BM VSV-GPBL	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
	HAH321	2	LT	Phạm Thị Phương Lan	Vệ sinh chăn nuôi-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
4	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	VDD231	3	LT	Nguyễn Thị Ngân	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	4,5	D401	
	EMA221	2	LT	Trần Văn Thăng	Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	8,9,10	D404	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	1,2	D403	
	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	1,2,3,4	BM Cơ sở	
	VDD231	3	LT	Nguyễn Thị Ngân	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	6,7,8,9	Bệnh Xá TY2	
	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	1,2	D405	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
5	ONH321	2	LT	Trần Nhật Thắng	Một sức khỏe-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	3,4	D405	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9,10	D404	
	HAH321	2	LT	Phạm Thị Phương Lan	Vệ sinh chăn nuôi-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	4,5	D303	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	9,10	D303	
6	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	6,7,8,9	Bệnh Xá TY	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	API321	2	LT	Phạm Diệu Thùy	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7	D404	
	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	8,9,10	D404	
7	ONH321	2	LT	Trần Nhật Thắng	Một sức khỏe-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D404	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 22/11/2020									
2	AWS321	2	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Phúc lợi động vật-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	3,4,5	D403	
3	VAH321	2	LT	Phùng Đức Hoàn	Chăn nuôi động vật quý hiếm-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
4	VAH321	2	LT	Phùng Đức Hoàn	Chăn nuôi động vật quý hiếm-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	3,4,5	D303	
	VLA311	2	LT	Nguyễn Thị Thúy My	Luật thú y-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	8,9,10	D303	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	3,4,5	D403	
5	ZOO321	2	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Bệnh truyền lây giữa động vật và người-1-20 (N01)/TY49N03_1_20	55	8,9,10	D402	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	FSH321	2	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Vệ sinh an toàn thực phẩm-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
6	VAH321	2	LT	Phùng Đức Hoàn	Chăn nuôi động vật quý hiếm-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
	AWS321	2	LT	Nguyễn Thị Thúy My	Phúc lợi động vật-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	2,3,4	D303	
	AWS321	2	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Phúc lợi động vật-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	6,7,8	D303	
7	VLA311	2	LT	Nguyễn Thị Thúy My	Luật thú y-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3	D303	
	VLA311	2	LT	La Văn Công	Luật thú y-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	1,2,3	D403	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 01/11/2020									
2	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	3,4,5	D302	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
3	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
4	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	3,4,5	D302	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
5	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
	POP341	4	LT	Trần Thị Hoan	Chăn nuôi gia cầm-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	6,7,8,9	BM CNDV&NTTS	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	SWP341	4	LT	Trần Văn Phùng	Chăn nuôi lợn-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	6,7,8,9	BM CNDV&NTTS	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 18/10/2020									
2	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2	D302	
4	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2	D302	
6	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
7	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3	D302	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 15/11/2020									
3	TAR321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7,8	D402	
5	TAR321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8	D403	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 01/11/2020									
2	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2	D302	
4	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	6,7,8,9	BM Bệnh DV	
	VID341	4	LT	Vũ Khắc Hùng	Bệnh truyền nhiễm thú y-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2	D302	
6	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50	1,2,3,4	BM Cơ sở	
	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N02)/TY K50N01_1_20	44	6,7,8,9	BM Bệnh DV	
7	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N03)/TY K50N02_1_20	45	6,7,8,9	BM Cơ sở	
8	RTE321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N04)/TY K50N03_1_20	43	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 22/11/2020									
2	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	9,10	A102	
3	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	1,2,3,4	BM Cơ sở	
4	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	8,9,10	A102	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 22/11/2020									
2	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
4	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7	D203	
6	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3,4	BM VSV-GPBL	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 15/11/2020									
2	VID321	2	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Bệnh nội khoa thú y (2TC)-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	7,8,9,10	Bệnh Xá TY2	
3	VID321	2	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Bệnh nội khoa thú y (2TC)-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	3,4	D404	
	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2	D404	
4	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	1,2	D404	
	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	7,8,9,10	Bệnh Xá TY3	
5	API331	3	LT	Nguyễn Hữu Hòa	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	4,5	D404	
6	VID321	2	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Bệnh nội khoa thú y (2TC)-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	8,9	D404	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
2	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7,8	D302	
	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	2,3,4	D401	
3	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	6,7,8	D301	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	6,7,8	D302	
	VDD231	3	LT	Nguyễn Thị Ngân	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	1,2,3	D401	
	API321	2	LT	Phạm Diệu Thùy	Kiểm nghiệm thú sản-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65	1,2,3,4	BM VSV-GPBL	
4	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	8,9,10	D301	
5	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N01)/TY K50N01_1_20	44	1,2,3,4	BM Cơ sở	
	VDD231	3	LT	Nguyễn Thị Ngân	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	6,7,8,9	Bệnh Xá TY	
6	VPA231	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	Bệnh lý học thú y-1-20 (N03)/TY K50N03_1_20	43	6,7,8,9	Bệnh Xá TY	
	VDD231	3	LT	Dương Thị Hồng Duyên	Chẩn đoán bệnh thú y-1-20 (N02)/TY K50N02_1_20	45	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 29/11/2020									
2	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	9,10	D203	
3	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	9,10	A102	
4	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	8,9	D203	
5	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	8,9	A102	
7	HAA251	5	LT	Đặng Thị Mai Lan	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	HAA251	5	LT	Nguyễn Thu Trang	Cơ thể học động vật 5TC-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	6,7,8,9	Bệnh Xá TY	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 29/11/2020									
2	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7,8	D402	
4	ABG231	3	LT	Trần Huê Viên	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3,4	Bệnh Xá TY3	
	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
6	ABG231	3	LT	Trần Huê Viên	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7	D203	
7	PVP341	4	LT	Nguyễn Thị Kim Lan	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	6,7,8,9	BM Bệnh DV	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 22/11/2020									
4	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60	7,8,9,10	BM VSV-GPBL	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45	1,2,3,4	BM VSV-GPBL	
5	DDC321	2	LT	Đặng Thị Mai Lan	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	7,8,9,10	Bệnh Xá TY	
	VMO221	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	Vi sinh vật thú y-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55	7,8,9,10	BM VSV-GPBL	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 22/11/2020									
2	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	1,2,3,4	Bệnh Xá TY2	
3	ADA231	3	LT	Đặng Thị Mai Lan	Giải phẫu động vật (3TC)-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	7,8,9,10	Bệnh Xá TY	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8,9	BM VSV-GPBL	
4	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	1,2,3,4	Bệnh Xá TY1	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	8,9	D402	
5	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
6	ADA231	3	LT	Đặng Thị Mai Lan	Giải phẫu động vật (3TC)-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2,3	D202	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	8,9	D403	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7	D403	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	8,9	D402	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7	D402	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 29/11/2020									
2	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	6,7,8,9	BM Bệnh DV	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N03)/TY48N01_1_20	60	1,2,3,4	Bệnh Xá TY1	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N04)/TY48N02_1_20	45	6,7,8,9	Bệnh Xá TY1	
3	DDC321	2	LT	Đặng Thị Mai Lan	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N02)/TY48N01_1_20	60	1,2,3,4	Bệnh Xá TY	
	VED331	3	LT	La Văn Công	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N05)/TY48N03_1_20	55	1,2,3,4	Bệnh Xá TY1	
5	DDC321	2	LT	Đỗ Thị Lan Phương	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N04)/TY48N03_1_20	55	1,2,3,4	Bệnh Xá TY1	
7	DDC321	2	LT	Đỗ Thị Lan Phương	Bệnh ở chó, mèo-1-20 (N03)/TY48N02_1_20	45	6,7,8,9	Bệnh Xá TY3	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N01)/TY49N02_1_20	55	6,7,8,9	Bệnh Xá TY1	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 29/11/2020									
2	HEA221	2	LT	Nguyễn Thu Trang	Tổ chức và phôi thai học-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2,3,4	BM Cơ sở	
3	TAR321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55	1,2,3,4	BM Bệnh DV	
	GMO221	2	LT	Nguyễn Thị Mai Thảo	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N03)/TTK51_1_20	35	1,2,3,4	P.Thực hành11	
4	TAR321	2	LT	Bùi Ngọc Sơn	Công nghệ sinh sản-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	1,2,3,4	BM Cơ sở	
	ABG231	3	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	1,2,3,4	Bệnh Xá TY2	
	NBF231	3	LT	Nguyễn Hưng Quang	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	7,8,9,10	BM DL&VSATTP	
	ABI221	2	LT	Cù Thị Thúy Nga	Hóa sinh động vật-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	1,2,3,4	BM CNDV&NTTS	
5	GMO221	2	LT	Ngô Nhật Thắng	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N01)/TYK51_1_20	55	1,2,3,4	BM DL&VSATTP	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	ABG231	3	LT	Hồ Thị Bích Ngọc	Di truyền và Giống vật nuôi-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55	1,2,3,4	Bệnh Xá TY2	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 22/11/2020									
3	GMO221	2	LT	Vi Đại Lâm	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N02)/CNTPK51_1_20	45	7,8,9,10	P.Thực hành9	
6	GMO221	2	LT	Vi Đại Lâm	Vi sinh vật đại cương-1-20 (N02)/CNTPK51_1_20	45	7,8,9,10	P.Thực hành9	
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
3	ADA231	3	LT	Đặng Thị Mai Lan	Giải phẫu động vật (3TC)-1-20 (N01)/CNTY(POHE)51_1_20	38	7,8,9,10	Bệnh Xá TY	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8,9	BM VSV-GPBL	
	VPD331	3	LT	Đỗ Quốc Tuấn	Sản khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7,8,9	Bệnh Xá TY2	
4	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7,8,9	BM VSV-GPBL	
6	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	6,7	D403	
	PVP341	4	LT	Lê Minh	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55	8,9	D403	
	VED331	3	LT	Trần Nhật Thắng	Ngoại khoa thú y (3TC)-1-20 (N02)/TY49N03_1_20	55	6,7,8,9	Bệnh Xá TY1	
	ABP251	5	LT	Cù Thị Thúy Nga	Sinh hóa - Sinh lý động vật-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3,4	BM VSV-GPBL	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
	BLS621	2	LT	Phạm Thị Phương Lan	RN1: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm-1-20 (N03)/TYK50N03_1_20	43			
	BLS621	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	RN1: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm-1-20 (N02)/TYK50N02_1_20	45			
	BLS621	2	LT	Nguyễn Mạnh Cường	RN1: Thao tác kỹ thuật cơ bản trong phòng thí nghiệm-1-20 (N01)/TYK50N01_1_20	44			
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 23/08/2020									
	SAS533	3	LT	Trần Nhật Thắng	Rèn nghề 3: Quản lý, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65			
Giai đoạn : 24/08/2020 đến 30/08/2020									
	FTS511	1	LT	Từ Trung Kiên	TTNN: Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35			
	FTS511	1	LT	Từ Trung Kiên	TTNN: Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại-1-20 (N04)/CNTY(POHE)51_1_20	38			
	FTS511	1	LT	Từ Trung Kiên	TTNN: Tham quan nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y và trang trại-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55			
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 08/11/2020									
	PVM906	10	LT		Thực tập tốt nghiệp (DLTY)-1-20 (N01)/DTY48_1_20	44			
	PPU611	1	LT	Phạm Diệu Thùy	RN1: Lập kế hoạch sản xuất và sử dụng phần mềm quản lý, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y-1-20 (N02)/TYK51_1_20	55			
	VME906	10	LT		Thực tập tốt nghiệp (TY)-1-20 (N01)/TY48N04,05,06,07_1_20	300			

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 11/10/2020									
	VCS631	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	RN: Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y-1-20 (N01)/TY48N01_1_20	60			
	MVE441	4	LT	Phan Thị Hồng Phúc	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch(TY)-1-20 (N02)/TY49N02_1_20	55			
	VCS631	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	RN: Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y-1-20 (N03)/TY48N03_1_20	55			
	MVE441	4	LT	Phan Thị Hồng Phúc	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch(TY)-1-20 (N03)/TY49N03_1_20	55			
	VCS631	3	LT	Nguyễn Thị Bích Đào	RN: Kỹ năng chẩn đoán lâm sàng thú y-1-20 (N02)/TY48N02_1_20	45			
	MVE441	4	LT	Đỗ Thị Lan Phương	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch(TY)-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65			
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 11/10/2020									
	AVH421	2	LT	Đỗ Quốc Tuấn	TTNN 1: Tiêm phòng chống dịch-1-20 (N01)/CNTY K50_1_20	50			
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 29/11/2020									
	VME452	5	LT		TTNN2: Tổ chức, quản lý chăn nuôi trang trại-1-20 (N01)/TY49N01_1_20	55			
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 15/11/2020									
	SAS432	3	LT	Trần Thị Hoan	Rèn nghề 2: Kỹ năng lập kế hoạch và chăn nuôi-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)_1_20	65			
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 22/11/2020									
	SAS432	3	LT	Nguyễn Đức Trường	Rèn nghề 2: Kỹ năng lập kế hoạch và chăn nuôi-1-20 (N02)/CNTY49N01_1_20	72			

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa cơ bản

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
2	PHE113	1	LT	Nguyễn Khánh Quang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N05)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	1,2,3	Sân KTX B05	
	PHE113	1	LT	Nguyễn Trường Giang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N07)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2,3	Sân KTX B03	
	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Thúy	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N03)/KHMTK51, QLTT51, TT51, NNCNC51_1_20	65	6,7,8	D105	
	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Huyền	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N05)/KH&QLMT K51_1_20	50	3,4,5	D304	
3	PHE113	1	LT	Dương Thế Hiển	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N09)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	1,2,3	Sân KTX B02	
	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Thúy	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N04)/QLDDK51, DLST51, KTNN51_1_20	65	1,2,3	D105	
4	PHE113	1	LT	Dương Thế Hiển	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N04)/CNTPK51,CNSH51,ATTP51_1_20	45	8,9,10	Sân KTX B01	
	PHE113	1	LT	Nguyễn Trường Giang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N08)/KHMTK51, QLTT51, KTNN51_1_20	45	8,9,10	Sân KTX B04	
	HCM121	2	LT	Ngô Thị Mây Ước	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N05)/LN49, QLTNR49, MT49_1_20	65	3,4,5	D204	
	HCM121	2	LT	Ngô Thị Mây Ước	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N06)/CNTP 49, CNSH49, BVTV49_1_20	65	6,7,8	D205	
5	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Huyền	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N02)/CNTPK51, CNSH51, ATTP51, LS51, QLTNR51_1_20	65	3,4,5	D204	
6	PHE113	1	LT	Vũ Hồng Thái	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N02)/KH&QLMT K51_1_20	55	8,9,10		
	PHE113	1	LT	Nguyễn Khánh Quang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N06)/QLDDK51_1_20	35	8,9,10	Sân KTX B04	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 23/08/2020									
3	PHE113	1	LT	Nguyễn Trường Giang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3	Sân KTX B03	
	PHE113	1	LT	Nguyễn Khánh Quang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N10)/CNTY(POHE)51_1_20	38	8,9,10	Sân KTX B02	
4	PHE113	1	LT	Dương Thế Hiển	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	1,2,3	Sân KTX B02	
5	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Huyền	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N01)/CNTYK51+Pohe51_1_20	70	6,7,8	D204	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									
3	GBC231	3	LT		Hóa sinh đại cương-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	8,9	D504	
5	GBC231	3	LT		Hóa sinh đại cương-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	8,9	D504	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 27/09/2020									
3	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N03)/TT K50, NNCNC50, MT50, ATTP50_1_20	85	6,7,8	D204	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	HCM121	2	LT	Ngô Thị Mây Ước	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N04)/QLTNR K50, KTNN50_1_20	65	1,2,3	D204	
7	HCM121	2	LT	Ngô Thị Mây Ước	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N04)/QLTNR K50, KTNN50_1_20	65	2,3	D402	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 01/11/2020									
3	MLP132	3	LT	Lê Quốc Tuấn	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	6,7,8	D401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 13/09/2020									
2	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)TT49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D204	
4	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)TT49(POHE)_1_20	65	6,7	D204	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
3	VCP131	3	LT	Phạm Tùng Hương	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
5	VCP131	3	LT	Phạm Tùng Hương	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7	D201	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 25/10/2020									
3	PHE113	1	LT	Nguyễn Trường Giang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3	Sân KTX B03	
	PHE113	1	LT	Nguyễn Khánh Quang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N10)/CNTY(POHE)51_1_20	38	8,9,10	Sân KTX B02	
4	PHE113	1	LT	Dương Thế Hiển	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	1,2,3	Sân KTX B03	
5	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Huyền	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N01)/CNTYK51+Pohe51_1_20	70	6,7,8	D204	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 25/10/2020									
3	GBC231	3	LT		Hóa sinh đại cương-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	9,10	D504	
5	GBC231	3	LT		Hóa sinh đại cương-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	8,9,10	D504	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 11/10/2020									
3	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N03)/TT K50, NNCNC50, MT50, ATTP50_1_20	85	6,7,8	D204	
5	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N03)/TT K50, NNCNC50, MT50, ATTP50_1_20	85	1,2,3	D405	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 15/11/2020									
2	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N02)/CNTY49N01_1_20	72	4,5	D404	
4	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N02)/CNTY49N01_1_20	72	3,4,5	D404	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 25/10/2020									
2	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)TT49(POHE)_1_20	65	6,7,8	D204	
4	HCM121	2	LT	Dương Thị Kim Huệ	Tư tưởng Hồ Chí Minh-1-20 (N01)/CNTY49(POHE)TT49(POHE)_1_20	65	6,7	D204	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
3	PHE113	1	LT	Nguyễn Trường Giang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	1,2,3	Sân KTX B03	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
3	PHE113	1	LT	Nguyễn Khánh Quang	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N10)/CNTY(POHE)51_1_20	38	8,9,10	Sân KTX B03	
4	PHE113	1	LT	Dương Thế Hiển	Giáo dục thể chất 3: Bóng đá-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	1,2,3	Sân KTX B04	
5	KML122	2	LT	Nguyễn Thị Huyền	Kinh tế chính trị Mac - Lenin-1-20 (N01)/CNTYK51+Pohe51_1_20	70	6,7,8	D204	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 22/11/2020									
3	MLP132	3	LT	Lê Quốc Tuấn	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	6,7	D401	
5	MLP132	3	LT	Lê Quốc Tuấn	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	6,7	D401	

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
2	PEB331	3	LT	Bùi Tri Thức	Quá trình và thiết bị trong Công nghệ sinh học-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	9,10	A301	
3	PEB331	3	LT	Bùi Tri Thức	Quá trình và thiết bị trong Công nghệ sinh học-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	8,9,10	A301	
4	ACT331	3	LT	Nguyễn Xuân Vũ	Công nghệ tế bào động vật-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	3,4	A202	
	FSM231	4	LT	Nguyễn Đức Tuân	Nguyên lý an toàn thực phẩm và hệ thống thống quản lý chất lượng-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	4,5	A401	
6	ACT331	3	LT	Nguyễn Xuân Vũ	Công nghệ tế bào động vật-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	7,8,9	A301	
	FSM231	4	LT	Nguyễn Đức Tuân	Nguyên lý an toàn thực phẩm và hệ thống thống quản lý chất lượng-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	7,8,9	A401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									
2	FMA231	3	LT		Nguyên liệu thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	9,10	D305	
4	FMA231	3	LT		Nguyên liệu thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7	D305	
6	FCH231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Hóa học thực phẩm-1-20 (N01)/CNTPK51_1_20	45	7,8,9	A202	
8	FCH231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Hóa học thực phẩm-1-20 (N01)/CNTPK51_1_20	45	7,8,9	A202	
	FCH231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Hóa học thực phẩm-1-20 (N01)/CNTPK51_1_20	45	3,4,5	A202	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 27/09/2020									
2	BMT331	3	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ sản xuất đồ uống-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	2,3,4	A301	
	EBT321	2	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học môi trường-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	4,5	D205	
3	FSQ331	3	LT	Vũ Thị Hạnh	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm-1-20 (N02)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	1,2	A301	
4	BMT331	3	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ sản xuất đồ uống-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	1,2	A301	
6	BTV321	2	LT	Nguyễn Văn Duy	Công nghệ sinh học thú y-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	3,4	D205	
	FSQ331	3	LT	Vũ Thị Hạnh	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm-1-20 (N02)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	1,2	A301	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
7	AAF231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Phân tích và đánh giá cảm quan thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	7,8,9	A301	
	AAF231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Phân tích và đánh giá cảm quan thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	2,3,4	A301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
2	FTE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Công nghệ lên men-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	8,9,10	A401	
	MCB231	3	LT	Dương Văn Cường	Sinh học phân tử tế bào-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	6,7	A401	
3	FAD331	3	LT		Phụ gia thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	1,2,3	D504	
	FSQ331	3	LT	Vũ Thị Hạnh	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 49_1_20	28	6,7,8	D205	
	MCB231	3	LT	Dương Văn Cường	Sinh học phân tử tế bào-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	9,10	A401	
5	FTF321	2	LT	Nguyễn Thị Hương	Thực phẩm chức năng và thực phẩm truyền thống-1-20 (N01)/CNTP 49_1_20	28	6,7	D205	
6	ETE321	2	LT	Nguyễn Văn Duy	Công nghệ enzyme-1-20 (N01)/CNTP 49_1_20	28	6,7	D205	
	FAD321	2	LT	Nguyễn Văn Bình	Phụ gia thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 49_1_20	28	8,9	D205	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
2	MCP321	2	LT	Vi Đại Lâm	Nuôi trồng và sản xuất nấm-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	1,2,3	D205	
	FMT331	3	LT	Bùi Tri Thức	Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc thực phẩm-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	3,4	D203	
3	BBC231	3	LT	Phạm Bằng Phương	Cơ sở Hóa sinh học-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	6,7,8	A401	
	FMT331	3	LT	Bùi Tri Thức	Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc thực phẩm-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	2,3	D203	
	QIC331	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quản lý suất ăn công nghiệp-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	4,5	D203	
4	FTE321	2	LT	Lương Hùng Tiến	Công nghệ lên men-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	8,9,10	D305	
	QIC331	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quản lý suất ăn công nghiệp-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	3,4	D203	
6	FCH221	2	LT	Vũ Thị Hạnh	Hóa thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7,8	D305	
7	FAK321	2	LT	Vũ Thị Hạnh	Bảo quản nông sản, thực phẩm-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	2,3,4	D203	
	INU221	2	LT	Phạm Bằng Phương	Dinh dưỡng-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7,8	D305	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 11/10/2020									
4	IBO331	4	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học công nghiệp-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	6,7,8	A301	
	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	9,10	A301	
5	FVT321	2	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ chế biến rau quả-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	3,4,5	A402	
	IBO331	4	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học công nghiệp-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	6,7	A301	
	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	8,9,10	A301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 01/11/2020									
3	PET231	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quy trình, thiết bị trong công nghệ thực phẩm-1-1-20 (N01)/CNTPK51, ATTP51_1_20	45	1,2,3	A401	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	FBC231	3	LT	Đinh Thị Kim Hoa	Hóa sinh thực phẩm-1-20 (N01)/CNTPK51, ATTP51_1_20	45	2,3,4	A401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 08/11/2020									
3	PTM321	2	LT	Nguyễn Thế Huấn	Thương hiệu và thị trường sản phẩm-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	6,7	D405	
5	PPP321	2	LT	Vũ Thị Hạnh	Bảo quản chế biến nông sản-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	6,7	D405	
	FVT321	2	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ chế biến rau quả-1-20 (N02)/CNTP 49_1_20	28	8,9	D205	
	MBI121	2	LT	Nguyễn Xuân Vũ	Sinh học phân tử-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	7,8	A401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 30/08/2020									
2	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	9,10	A403	
4	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	8,9	A403	
Giai đoạn : 24/08/2020 đến 04/10/2020									
2	PRA321	2	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Thực hành 2: sản xuất và đánh giá cảm quan thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	6,7,8,9,10	P.Thực hành25	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 08/11/2020									
2	FPD321	2	LT	Trịnh Thị Chung	Phát triển sản phẩm Thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 49_1_20	28	6,7,8	D205	
3	BPD321	2	LT	Trịnh Thị Chung	phát triển sản phẩm Công nghệ sinh học-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	2,3,4	D205	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 27/09/2020									
2	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	9,10	A403	
4	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	8,9	A403	
6	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	1,2,3,4,5	P.Thực hành21	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 18/10/2020									
2	QAP331	3	LT	Trịnh Thị Chung	Kiểm soát và đảm bảo chất lượng các sản phẩm từ thực vật-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2	D203	
6	QAP331	3	LT	Trịnh Thị Chung	Kiểm soát và đảm bảo chất lượng các sản phẩm từ thực vật-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	3,4,5	D203	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 25/10/2020									
4	FMA231	3	LT		Nguyên liệu thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7	D305	
8	FMA231	3	LT		Nguyên liệu thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7,8	D304	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 29/11/2020									
4	FPD321	2	LT	Trịnh Thị Chung	Phát triển sản phẩm Thực phẩm-1-20 (N02)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	3,4,5	D105	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 04/10/2020									
2	BMT331	3	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ sản xuất đồ uống-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	2,3,4	A301	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
3	BMT331	3	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ sản xuất đồ uống-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	7,8,9	A302	
	FSQ331	3	LT	Vũ Thị Hạnh	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm-1-20 (N02)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	1,2	A301	
4	BMT331	3	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ sản xuất đồ uống-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	FSQ331	3	LT	Vũ Thị Hạnh	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm-1-20 (N02)/CNTP K50_1_20	45	7,8,9	A202	
5	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	1,2	A301	
6	FSQ331	3	LT	Vũ Thị Hạnh	Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm-1-20 (N02)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	1,2	A301	
	FCE331	3	LT	Lương Hùng Tiến	Truyền nhiệt trong công nghệ thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	7,8,9	A303	
7	AAF231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Phân tích và đánh giá cảm quan thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	3,4,5	A301	
	AAF231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Phân tích và đánh giá cảm quan thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	7,8,9	A301	
8	AAF231	3	LT	Phạm Thị Ngọc Mai	Phân tích và đánh giá cảm quan thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45	7,8,9	A301	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 08/11/2020									
5	EBT321	2	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học môi trường-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	3,4,5	D205	
6	BTV321	2	LT	Nguyễn Văn Duy	Công nghệ sinh học thú y-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	2,3,4	D205	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 11/10/2020									
2	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	8,9,10	A403	
6	BAI431	3	LT	Nguyễn Văn Hồng	Công nghệ sinh học ứng trong trồng trọt-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	1,2,3,4,5	P.Thực hành21	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 01/11/2020									
6	FVT321	2	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ chế biến rau quả-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2,3,4	P.Thực hành16	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 18/10/2020									
3	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	1,2,3,4,5	P.Thực hành25	
4	IBO331	4	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học công nghiệp-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	6,7,8	A301	
	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	9,10	A301	
5	IBO331	4	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học công nghiệp-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	6,7	A301	
	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	8,9,10	A301	
	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	1,2,3,4,5	P.Thực hành25	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	IBO331	4	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học công nghiệp-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	1,2,3,4,5	P.Thực hành9	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 15/11/2020									
3	FSM231	4	LT	Nguyễn Đức Tuân	Nguyên lý an toàn thực phẩm và hệ thống thống quản lý chất lượng-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	7,8,9,10	P.Thực hành25	
6	FSM231	4	LT	Nguyễn Đức Tuân	Nguyên lý an toàn thực phẩm và hệ thống thống quản lý chất lượng-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	6,7,8,9	P.Thực hành25	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 01/11/2020									
3	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	1,2,3,4,5	P.Thực hành25	
4	QAP331	3	LT	Trịnh Thị Chung	Kiểm soát và đảm bảo chất lượng các sản phẩm từ thực vật-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	7,8,9	D105	
5	QAP331	3	LT	Trịnh Thị Chung	Kiểm soát và đảm bảo chất lượng các sản phẩm từ thực vật-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	4,5	D203	
	GEN341	4	LT	Dương Văn Cường	Kỹ thuật di truyền-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	1,2,3,4,5	P.Thực hành25	
6	IBO331	4	LT	Phạm Bằng Phương	Công nghệ sinh học công nghiệp-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	1,2,3,4,5	P.Thực hành9	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
2	QIC331	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quản lý suất ăn công nghiệp-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2	D203	
4	FMT331	3	LT	Bùi Tri Thức	Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc thực phẩm-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	4,5	D203	
5	QIC331	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quản lý suất ăn công nghiệp-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2,3	D203	
6	FMT331	3	LT	Bùi Tri Thức	Quản lý chuỗi cung ứng và truy xuất nguồn gốc thực phẩm-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	3,4,5	D203	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 22/11/2020									
3	BBC231	3	LT	Phạm Bằng Phương	Cơ sở Hóa sinh học-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	1,2,3,4	P.Thực hành21	
6	BBC231	3	LT	Phạm Bằng Phương	Cơ sở Hóa sinh học-1-20 (N01)/CNSHK51_1_20	25	7,8,9,10	P.Thực hành21	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 22/11/2020									
3	PET231	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quy trình, thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1-1-20 (N01)/CNTPK51, ATTP51_1_20	45	2,3	A401	
4	FBC231	3	LT	Đinh Thị Kim Hoa	Hóa sinh thực phẩm-1-20 (N01)/CNTPK51, ATTP51_1_20	45	3,4	A401	
6	FBC231	3	LT	Đinh Thị Kim Hoa	Hóa sinh thực phẩm-1-20 (N01)/CNTPK51, ATTP51_1_20	45	2,3	A401	
	PET231	3	LT	Nguyễn Văn Bình	Quy trình, thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1-1-20 (N01)/CNTPK51, ATTP51_1_20	45	4,5	A401	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 22/11/2020									
5	PPP321	2	LT	Vũ Thị Hạnh	Bảo quản chế biến nông sản-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	6,7,8	D405	
	MBI121	2	LT	Nguyễn Xuân Vũ	Sinh học phân tử-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	7,8,9	A401	
6	PTM321	2	LT	Nguyễn Thế Huấn	Thương hiệu và thị trường sản phẩm-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	6,7,8	D405	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 29/11/2020									
4	FVT321	2	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	Công nghệ chế biến rau quả-1-20 (N02)/CNTP 49_1_20	28	6,7,8,9	P.Thực hành9	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 01/11/2020									
	TRI522	2	LT	Phạm Thị Tuyết Mai	TTNN2: Công nghệ sản xuất sản phẩm từ thực vật-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45			
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 29/11/2020									
	BIT431	3	LT	Nguyễn Tiến Dũng	TTNN: Công nghệ sinh học-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25			
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
	INT411	1	LT	Lưu Hồng Sơn	TTNN1: Kiến tập tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm-1-20 (N01)/DBCL&ATTPK51_1_20	35			
	SPH411	1	LT	Đinh Thị Kim Hoa	Rèn nghề 1: Rèn các thao tác cơ bản-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50			

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Kinh tế và PT nông thôn

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 27/09/2020									
2	MIE231	3	LT	Đoàn Thị Mai	Kinh tế vi mô-1-20 (N01)/KTNNK51_1_20	15	3,4,5	D501	
6	MIE231	3	LT	Đoàn Thị Mai	Kinh tế vi mô-1-20 (N01)/KTNNK51_1_20	15	3,4	A201	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
3	AFC321	2	LT	Đỗ Xuân Luận	Tài chính tín dụng nông thôn-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	9,10	A303	
5	PRM331	3	LT	Dư Ngọc Thành	Xây dựng và quản lý dự án-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	1,2,3	D502	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
2	AFI231	3	LT	Đỗ Xuân Luận	Tài chính nông nghiệp-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	4,5	D405	
	BCD331	3	LT	Hồ Văn Bắc	Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	1,2,3	D405	
3	AFI231	3	LT	Đỗ Xuân Luận	Tài chính nông nghiệp-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	1,2,3	D405	
5	SME321	2	LT	Cù Ngọc Bắc	Quản lý Nhà nước về kinh tế-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	8,9	D401	
6	BCD331	3	LT	Hồ Văn Bắc	Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	4,5	D204	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 06/09/2020									
3	CEC331	3	LT	Đinh Ngọc Lan	Kinh tế hợp tác xã-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	4,5	D405	
4	CEC331	3	LT	Đinh Ngọc Lan	Kinh tế hợp tác xã-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	1,2	D405	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
5	KPD321	2	LT	Nguyễn Quốc Huy	Khởi tạo và phát triển doanh nghiệp-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	3,4	D105	
6	MEC121	2	LT	Đoàn Thị Thanh Hiền	Khoa học quản lý-1-20 (N01)/LS51, QLTNR51, KTNN51_1_20	35	6,7,8	A203	
	CTM321	2	LT	Hồ Văn Bắc	Sản phẩm hàng hóa và thương hiệu-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	8,9	D401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 15/11/2020									
4	AEM321	2	LT	Trần Thị Ngọc	Phương pháp khuyến nông-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	9,10	D401	
5	AMA321	2	LT	Đỗ Hoàng Sơn	Marketing nông nghiệp-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	8,9	A303	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 11/10/2020									
4	RAS221	2	LT	Đặng Bích Huệ	Đánh giá nông thôn-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	3,4,5	A402	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 08/11/2020									
3	ETT331	3	LT	Hà Minh Tuân	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	8,9,10	D405	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
4	CEM321	2	LT	Nguyễn Văn Tâm	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	8,9	A303	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 13/09/2020									
2	ITR321	2	LT	Nguyễn Thị Hiền Thương	Thương mại quốc tế-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	6,7,8	D401	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 18/10/2020									
4	CEC331	3	LT	Đinh Ngọc Lan	Kinh tế hợp tác xã-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	1,2,3	D405	
6	CEC331	3	LT	Đinh Ngọc Lan	Kinh tế hợp tác xã-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	6,7,8,9,10	P.Thực hành23	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 15/11/2020									
2	ITR321	2	LT	Nguyễn Thị Hiền Thương	Thương mại quốc tế-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	6,7	D401	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 22/11/2020									
2	MIE231	3	LT	Đoàn Thị Mai	Kinh tế vi mô-1-20 (N01)/KTNNK51_1_20	15	1,2,3,4	P.Thực hành24	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 01/11/2020									
5	RAS221	2	LT	Đặng Bích Huệ	Đánh giá nông thôn-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2,3,4	A402	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 15/11/2020									
5	SME321	2	LT	Cù Ngọc Bắc	Quản lý Nhà nước về kinh tế-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	8,9,10	D401	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 22/11/2020									
6	KPD321	2	LT	Nguyễn Quốc Huy	Khởi tạo và phát triển doanh nghiệp-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	1,2,3,4,5	P.Thực hành24	
	CTM321	2	LT	Hồ Văn Bắc	Sản phẩm hàng hóa và thương hiệu-1-20 (N01)/KTNN49, PTNT49_1_20	50	6,7,8,9,10	D401	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 22/11/2020									
4	ETT331	3	LT	Hà Minh Tuân	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	6,7,8,9,10	P.Thực hành16	
6	ETT331	3	LT	Hà Minh Tuân	Khuyến nông và đào tạo cán bộ tập huấn-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	1,2,3,4	P.Thực hành16	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 29/11/2020									
5	CEM321	2	LT	Nguyễn Văn Tâm	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	1,2,3,4	A303	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 22/11/2020									
2	AEM321	2	LT	Trần Thị Ngọc	Phương pháp khuyến nông-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	6,7,8,9	D401	
4	AEM321	2	LT	Trần Thị Ngọc	Phương pháp khuyến nông-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50	6,7,8,9	D401	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 29/11/2020									
3	AMA321	2	LT	Đỗ Hoàng Sơn	Marketing nông nghiệp-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	1,2,3,4	A303	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
	SPR422	2	LT	Nguyễn Đức Quang	Rèn nghề 2: Tìm hiểu vườn ươm lâm nghiệp, nông nghiệp-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20			
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 18/10/2020									
	SAE421	2	LT	Đinh Thị Kim Hoa	Rèn nghề 1-1-20 (N01)/CNTP K50_1_20	45			

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 01/11/2020									
	SPR622	2	LT	Lành Ngọc Tú	Rèn nghề 2: Đánh giá nông nghiệp, nông thôn có sự tham gia-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40			
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
	FVH511	1	LT	Dương Thị Thu Hoài	TTNN1: Thăm quan các mô hình sản xuất kinh doanh nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao (DN, HTX, Tran-1-20 (N01)/KTNNK51_1_20	15			
	SAE414	1.5	LT	Vũ Thị Hải Anh	Rèn nghề 4: Hoạch toán kế toán bằng phần mềm kế toán máy-1-20 (N01)/KTNN49_1_20	50			

Thái nguyên, ngày 14 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Lâm nghiệp

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
2	FFF321	2	LT	Nguyễn Tuấn Hùng	Quản lý các loại rừng và lửa rừng-1-20 (N01)/LN49_1_20	35	1,2	A202	
	FUM321	2	LT	Nguyễn Thị Thu Hoàn	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp-1-20 (N01)/LN49_1_20	35	3,4	A202	
3	CCH231	3	LT	Dương Minh Ngọc	Biến đổi khí hậu-1-20 (N01)/KHMTK51_1_20	45	6,7,8	D105	
	FES321	2	LT	Nguyễn Thanh Tiến	Dịch vụ môi trường Rừng-1-20 (N01)/LN49, QLTNR49_1_20	35	1,2	A202	
	WAM321	2	LT	Nguyễn Thị Thu Hoàn	Quản lý lưu vực-1-20 (N01)/QLTNR49_1_20	35	6,7	A202	
4	GSY321	2	LT	Nguyễn Công Hoan	Lâm sinh tổng hợp-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	6,7	A303	
5	FPE321	2	LT	Nguyễn Thị Tuyên	Khai thác lâm sản-1-20 (N01)/QLTNR49_1_20	35	6,7	A202	
	FEC321	2	LT	Trần Công Quân	Kinh tế rừng-1-20 (N01)/QLTNR49_1_20	35	8,9	A202	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 30/08/2020									
3	SIL331	3	LT	Dương Văn Thảo	Kỹ thuật lâm sinh-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2	A203	
	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	3,4,5	A203	
5	SIL331	3	LT	Dương Văn Thảo	Kỹ thuật lâm sinh-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	3,4,5	A203	
	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2	A203	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 15/11/2020									
5	WSC221	2	LT	Nguyễn Việt Hưng	Khoa học gỗ-1-20 (N01)/LN49, QLTNR49_1_20	35	1,2	A202	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 04/10/2020									
4	FPL231	3	LT	Trần Đức Thiện	Thực vật rừng-1-20 (N01)/LS 51_1_20	35	9,10	A203	
5	FPL231	3	LT	Trần Đức Thiện	Thực vật rừng-1-20 (N01)/LS 51_1_20	35	6,7,8	A203	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
4	FPL221	2	LT	Trần Đức Thiện	Cây rừng-1-20 (N01)/LN49_1_20	37	6,7,8	A302	
	EAD321	2	LT	Nguyễn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp-1-20 (N01)/CNSH49_1_20	25	1,2,3	D205	
5	FEV321	2	LT	La Thu Phương	Rừng và môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	3,4,5	D301	
6	BDI331	3	LT	Dương Hồng Việt	Đa dạng sinh học-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2,3	D501	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 23/08/2020									
4	AGF331	3	LT	Lục Văn Cường	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2,3	A203	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
4	FME231	3	LT	Phạm Đức Chính	Đo đạc lâm nghiệp-1-20 (N01)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	6,7,8	A203	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	EAD321	2	LT	Nguyễn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp-1-20 (N02)/KTNN49_1_20	50	6,7	D401	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 08/11/2020									
6	BDI331	3	LT	Lê Văn Phúc	Đa dạng sinh học-1-20 (N02)/QLTNRK51_1_20	30	1,2,3	A203	
Giai đoạn : 24/08/2020 đến 20/09/2020									
2	AGF331	3	LT	Lục Văn Cường	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	6,7,8,9,10	PM201	
4	AGF331	3	LT	Lục Văn Cường	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2,3	A203	
5	AGF331	3	LT	Lục Văn Cường	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	6,7,8,9,10	PM201	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 06/09/2020									
2	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	3,4	A203	
3	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	3,4,5	A203	
5	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2	A203	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 04/10/2020									
3	SIL331	3	LT	Dương Văn Thảo	Kỹ thuật lâm sinh-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2	A203	
4	SIL331	3	LT	Dương Văn Thảo	Kỹ thuật lâm sinh-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	7,8,9,10	P.Thực hành22	
5	SIL331	3	LT	Dương Văn Thảo	Kỹ thuật lâm sinh-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	3,4,5	A203	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 04/10/2020									
3	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	3,4,5	A203	
5	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	1,2	A203	
6	FMA331	3	LT	Nguyễn Văn Mạn	Quản lý lửa rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	7,8,9,10	P.Thực hành29	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 04/10/2020									
2	AGF331	3	LT	Lục Văn Cường	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	6,7,8,9,10	PM201	
5	AGF331	3	LT	Lục Văn Cường	Ứng dụng GIS trong lâm nghiệp-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35	6,7,8,9,10	PM201	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 08/11/2020									
4	FPL231	3	LT	Trần Đức Thiện	Thực vật rừng-1-20 (N01)/LS 51_1_20	35	1,2,3,4	P.Thực hành29	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 25/10/2020									
2	FME231	3	LT	Phạm Đức Chính	Đo đạc lâm nghiệp-1-20 (N01)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	1,2,3,4,5	P.Thực hành22	
4	FME231	3	LT	Phạm Đức Chính	Đo đạc lâm nghiệp-1-20 (N01)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	6,7,8	A203	
7	FME231	3	LT	Phạm Đức Chính	Đo đạc lâm nghiệp-1-20 (N01)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	6,7,8,9,10	P.Thực hành22	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 15/11/2020									
2	EAD321	2	LT	Nguyễn Mạnh Hùng	Quản trị doanh nghiệp-1-20 (N02)/KTNN49_1_20	50	8,9,10	D401	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 08/11/2020									
2	FME231	3	LT	Phạm Đức Chính	Đo đạc lâm nghiệp-1-20 (N01)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	6,7,8,9,10	P.Thực hành22	
4	FME231	3	LT	Phạm Đức Chính	Đo đạc lâm nghiệp-1-20 (N01)/LS 51, QLTNR51_1_20	35	6,7,8,9,10	P.Thực hành27	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 15/11/2020									
3	BDI331	3	LT	Dương Hồng Việt	Đa dạng sinh học-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2,3,4	BMQH	
6	BDI331	3	LT	Dương Hồng Việt	Đa dạng sinh học-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2,3	D501	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 15/11/2020									
4	BDI331	3	LT	Lê Văn Phúc	Đa dạng sinh học-1-20 (N02)/QLTNRK51_1_20	30	6,7,8,9	P.Thực hành27	
6	BDI331	3	LT	Lê Văn Phúc	Đa dạng sinh học-1-20 (N02)/QLTNRK51_1_20	30	1,2,3	A203	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 29/11/2020									
4	BDI331	3	LT	Lê Văn Phúc	Đa dạng sinh học-1-20 (N02)/QLTNRK51_1_20	30	6,7,8,9	P.Thực hành27	
5	WSC221	2	LT	Nguyễn Việt Hưng	Khoa học gỗ-1-20 (N01)/LN49, QLTNR49_1_20	35	1,2,3,4	P.Thực hành27	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 18/10/2020									
	FPD622	2	LT	Đào Hồng Thuận	RN2: Thiết kế trồng rừng-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35			
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 01/11/2020									
	PSF522	2	LT	Nguyễn Thanh Tiến	TTNN2: Lập kế hoạch quản lý rừng bền vững-1-20 (N01)/QLTNR K50_1_20	35			
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 29/11/2020									
	FMM632	3	LT	Lục Văn Cường	RN1. Đo đạc và thiết lập bản đồ LN-1-20 (N01)/LS 51_1_20	20			

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Môi trường

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
2	ELP331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Luật và chính sách môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	9,10	A402	
3	ETO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Sơn Hải	Độc học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	9,10	A402	
	EMA331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Quan trắc và phân tích môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2,3	D301	
	GSI231	3	LT	Nguyễn Thanh Hải	Thông tin học đại cương-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	1,2,3	D502	
4	ILI231	3	LT	Trần Hải Đăng	Nhập môn năng lực thông tin-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	1,2,3	PMTV	
5	ETO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Sơn Hải	Độc học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	8,9	A402	
	ELP331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Luật và chính sách môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7	A402	
6	BMS231	3	LT	Nguyễn Văn Hiểu	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	25	1,2,3	D502	
	LEP321	2	LT	Hoàng Lan Anh	Luật & chính sách môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2,3	D301	
7	SWE331	3	LT	Dư Ngọc Thành	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2,3	D301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 06/09/2020									
4	EMO341	3	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	8,9,10	A402	
6	ECH231	3	LT	Trần Thị Phả	Hóa học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7,8	A402	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									
2	EEC321	2	LT	Nguyễn Thị Huệ	Kinh tế môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	3,4,5	D105	
4	EEC321	2	LT	Nguyễn Thị Huệ	Kinh tế môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	6,7,8	D105	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
3	EMG321	2	LT	Đặng Thu Hà	Quản lý môi trường-1-20 (N01)/QLTNR49_1_20	35	8,9	A202	
5	FES231	3	LT	Trần Thị Phả	Cơ sở khoa học môi trường-1-20 (N01)/KHMTK51_1_20	45	6,7,8	D105	
6	EEC121	2	LT	Bùi Lan Anh	Sinh thái môi trường-1-20 (N01)/TTK51_1_20	35	1,2	A302	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
2	EAI421	2	LT	Đỗ Thị Lan	Thanh tra và kiểm toán môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2	D301	
3	EIA321	2	LT	Dương Minh Hòa	Đánh giá tác động môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	4,5	D301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 01/11/2020									
5	EMO421	2	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2	D301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 27/09/2020									
2	ENT331	3	LT	Trần Hải Đăng	Công nghệ môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7,8	A402	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
4	ENT331	3	LT	Trần Hải Đăng	Công nghệ môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7	A402	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 25/10/2020									
3	EMO341	3	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	1,2,3,4	BM CNMT	
4	ECH231	3	LT	Trần Thị Phả	Hóa học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	1,2,3,4	BM CNMT	
	EMO341	3	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	8,9,10	A402	
6	ECH231	3	LT	Trần Thị Phả	Hóa học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7,8	A402	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 22/11/2020									
7	EPO321	2	LT	Hà Đình Nghiêm	Ô nhiễm môi trường-1-20 (N01)/KHMTK51_1_20	45	6,7,8	D302	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 04/10/2020									
2	ENT331	3	LT	Trần Hải Đăng	Công nghệ môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7,8	A402	
4	ENT331	3	LT	Trần Hải Đăng	Công nghệ môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7	A402	
6	ENT331	3	LT	Trần Hải Đăng	Công nghệ môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	1,2,3,4	BM CNMT	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 01/11/2020									
6	ENT331	3	LT	Trần Hải Đăng	Công nghệ môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	1,2,3,4	BM CNMT	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 22/11/2020									
2	CPR221	2	LT	Hà Đình Nghiêm	Sản xuất sạch hơn-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	3,4,5	D301	
4	CPR221	2	LT	Hà Đình Nghiêm	Sản xuất sạch hơn-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2	D301	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 15/11/2020									
2	EAI421	2	LT	Đỗ Thị Lan	Thanh tra và kiểm toán môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	7,8,9	D202	
3	EIA321	2	LT	Dương Minh Hòa	Đánh giá tác động môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	6,7,8	D202	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 22/11/2020									
2	BMS231	3	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	25	7,8,9,10	PM302	
	SWE331	3	LT	Dư Ngọc Thành	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2	D301	
	GSI231	3	LT	Nguyễn Thanh Hải	Thông tin học đại cương-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	1,2,3,4	PM202	
3	BMS231	3	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	25	1,2,3,4	PM302	
	SWE331	3	LT	Dư Ngọc Thành	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	3,4	D301	
	EMA331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Quan trắc và phân tích môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2	D301	
4	ILI231	3	LT	Trần Hải Đăng	Nhập môn năng lực thông tin-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	1,2,3,4	PM201	
	EMA331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Quan trắc và phân tích môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	7,8,9,10	BM QTPTMT	
5	ILI231	3	LT	Trần Hải Đăng	Nhập môn năng lực thông tin-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	6,7,8,9	PM202	
	EMA331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Quan trắc và phân tích môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	3,4	D301	
6	GSI231	3	LT	Nguyễn Thanh Hải	Thông tin học đại cương-1-20 (N01)/QLTTK51_1_20	15	1,2,3,4	PM202	

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
7	SWE331	3	LT	Dư Ngọc Thành	Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2,3,4	BM QTPTMT	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
2	ETO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Sơn Hải	Độc học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7	A402	
	ELP331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Luật và chính sách môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	8,9,10	A402	
3	EMO341	3	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	1,2,3,4	BM CNMT	
4	ETO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Sơn Hải	Độc học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7,8	A402	
	ECH231	3	LT	Trần Thị Phả	Hóa học môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	1,2,3,4	BM CNMT	
5	ELP331	3	LT	Hoàng Lan Anh	Luật và chính sách môi trường-1-20 (N01)/KHMT 50_1_20	35	6,7	A402	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 08/11/2020									
5	EMO421	2	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	1,2	D301	
6	EMO421	2	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	7,8,9,10	PM301	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 22/11/2020									
6	EMO421	2	LT	Hoàng Quý Nhân	Mô hình hóa môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	7,8,9,10	PM301	
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
	SES313	1	LT	Trần Thị Phả	Rèn nghề 1: Đánh giá tác động môi trường-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30			

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Nông học

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 27/09/2020									
3	PRT321	2	LT	Hoàng Kim Diệu	Kỹ thuật sản xuất cây trồng1-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4	A403	
5	FTP321	2	LT	Đặng Tố Nga	Công nghệ sản xuất hoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	1,2	A403	
	PRT321	2	LT	Hoàng Kim Diệu	Kỹ thuật sản xuất cây trồng1-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4	A403	
6	FTP321	2	LT	Đặng Tố Nga	Công nghệ sản xuất hoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	1,2	A403	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
2	BCP 631	3	LT	Trần Minh Quân	Sinh hoá - Sinh lý thực vật-1-20 (N01)/LS 51_1_20	35	6,7,8	A203	
3	PBI231	3	LT	Phạm Thị Thu Huyền	Hóa sinh thực vật-1-20 (N01)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	1,2,3	A302	
	CPG321	2	LT	Hà Việt Long	Sản xuất cây trồng công nghệ cao-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	3,4,5	A402	
4	PBR231	3	LT	Lưu Thị Xuyến	Chọn tạo giống cây trồng-1-20 (N01)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	1,2,3	A302	
	EAD331	3	LT	Nguyễn Tiến Dũng	Nông nghiệp hữu cơ-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2	D203	
6	SAP231	3	LT	Phạm Văn Ngọc	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng-1-20 (N01)/NNCNCK51_1_20	20	6,7,8	A302	
	EAD331	3	LT	Nguyễn Tiến Dũng	Nông nghiệp hữu cơ-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2	D203	
	PRM321	2	LT	Nguyễn Hữu Hồng	Xây dựng và quản lý dự án-1-20 (N03)/TT49(POHE), BVTV49_1_20	55	6,7,8	D405	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 13/09/2020									
2	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	6,7,8	A403	
	PPO321	2	LT	Lê Thị Kiều Oanh	Dịch hại nông sản sau thu hoạch-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	3,4	A402	
	IPM322	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại tổng hợp IPM-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2	A402	
3	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	1,2	A403	
4	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	6,7	A403	
	IPM322	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại tổng hợp IPM-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2	A402	
	PRM321	2	LT	Bùi Thị Minh Hà	Xây dựng và quản lý dự án-1-20 (N02)/KTNN49_1_20	50	6,7,8	D401	
5	PPO321	2	LT	Lê Thị Kiều Oanh	Dịch hại nông sản sau thu hoạch-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2	A402	
6	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4	A403	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
2	PPH231	3	LT	Nguyễn Thị Tình	Sinh lý thực vật-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	6,7,8	A301	
3	PPH231	3	LT	Nguyễn Thị Tình	Sinh lý thực vật-1-20 (N01)/CNSH K50_1_20	23	6,7	A301	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
5	PMI321	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại trong nhà kính, nhà lưới-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	6,7,8	A403	
6	GEA321	2	LT	Hà Việt Long	Xây dựng và vận hành nhà kính, nhà lưới-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	6,7,8	A403	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 08/11/2020									
5	FLC321	2	LT	Đặng Tố Nga	Cây Hoa-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	8,9	D405	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 11/10/2020									
6	FVC321	2	LT	Nguyễn Thúy Hà	Cây rau, quả-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2,3	A402	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 15/11/2020									
4	PRM321	2	LT	Bùi Thị Minh Hà	Xây dựng và quản lý dự án-1-20 (N02)/KTNN49_1_20	50	7,8	D401	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 20/09/2020									
2	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	1,2,3,4	N666001	
	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	6,7,8	A403	
3	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	1,2	A403	
4	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	1,2,3,4	P.Thực hành16	
	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	6,7	A403	
6	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	7,8,9,10	N666001	
	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4	A403	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 11/10/2020									
4	IPM322	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại tổng hợp IPM-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2	A402	
5	PPO321	2	LT	Lê Thị Kiều Oanh	Dịch hại nông sản sau thu hoạch-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2	A402	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 11/10/2020									
2	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	1,2,3,4	N666001	
	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	6,7	A403	
	GEA321	2	LT	Hà Việt Long	Xây dựng và vận hành nhà kính, nhà lưới-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	1,2,3,4	P.Thực hành16	
3	PMI321	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại trong nhà kính, nhà lưới-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	1,2,3,4	P.Thực hành12	
4	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	6,7	A403	
5	PMI321	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại trong nhà kính, nhà lưới-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	6,7,8	A403	
6	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	7,8,9,10	N666001	
	SPI321	3	LT	Bùi Lan Anh	Côn trùng và bệnh cây chuyên khoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4,5	A403	
	GEA321	2	LT	Hà Việt Long	Xây dựng và vận hành nhà kính, nhà lưới-1-20 (N01)/NNCNC K50_1_20	25	6,7,8	A403	
7	VPT331	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	Công nghệ sản xuất rau-1-20 (N02)/NNCNC K50, TT50_1_20	55	1,2,3,4	P.Thực hành16	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 11/10/2020									
3	FTP321	2	LT	Đặng Tố Nga	Công nghệ sản xuất hoa-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4,5	A403	
4	PRT321	2	LT	Hoàng Kim Diệu	Kỹ thuật sản xuất cây trồng1-1-20 (N01)/TT K50_1_20	25	3,4,5	A403	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 01/11/2020									
2	PPO321	2	LT	Lê Thị Kiều Oanh	Dịch hại nông sản sau thu hoạch-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2,3,4	Ngoài Đồng	
3	IPM322	2	LT	Bùi Lan Anh	Quản lý dịch hại tổng hợp IPM-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	7,8,9,10	Ngoài Đồng	
4	FVC321	2	LT	Nguyễn Thúy Hà	Cây rau, quả-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25	1,2,3,4	P.Thực hành12	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 22/11/2020									
5	PRM321	2	LT	Hà Đình Nghiêm	Xây dựng và quản lý dự án-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	7,8,9	D202	
6	PRM321	2	LT	Hà Đình Nghiêm	Xây dựng và quản lý dự án-1-20 (N01)/KHMT49_1_20	30	4,5	D301	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
4	EAD331	3	LT	Nguyễn Tiến Dũng	Nông nghiệp hữu cơ-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2,3	D203	
6	EAD331	3	LT	Nguyễn Tiến Dũng	Nông nghiệp hữu cơ-1-20 (N01)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	1,2	D203	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 22/11/2020									
3	PBI231	3	LT	Phạm Thị Thu Huyền	Hóa sinh thực vật-1-20 (N01)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	7,8,9,10	P.Thực hành11	
5	PBI231	3	LT	Phạm Thị Thu Huyền	Hóa sinh thực vật-1-20 (N01)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	7,8,9,10	P.Thực hành11	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 15/11/2020									
2	PBR231	3	LT	Lưu Thị Xuyến	Chọn tạo giống cây trồng-1-20 (N01)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	1,2,3,4	P.Thực hành12	
4	PBR231	3	LT	Lưu Thị Xuyến	Chọn tạo giống cây trồng-1-20 (N01)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	1,2,3	A302	
	SAP231	3	LT	Phạm Văn Ngọc	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng-1-20 (N01)/NNCNCK51_1_20	20	6,7,8,9	P.Thực hành12	
6	SAP231	3	LT	Phạm Văn Ngọc	Giá thể và dinh dưỡng cây trồng-1-20 (N01)/NNCNCK51_1_20	20	6,7,8	A302	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 22/11/2020									
2	FLC321	2	LT	Đặng Tố Nga	Cây Hoa-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55	6,7,8	D405	
Giai đoạn : 30/11/2020 đến 13/12/2020									
2	SAM121	2	LT	Lê Minh Toàn	Phương pháp tiếp cận khoa học-1-20 (N01)/DTY48_1_20	30	1,2,3,4	A301	
3	SAM121	2	LT	Lê Minh Toàn	Phương pháp tiếp cận khoa học-1-20 (N01)/DTY48_1_20	30	1,2,3,4	A301	
4	SAM121	2	LT	Lê Minh Toàn	Phương pháp tiếp cận khoa học-1-20 (N01)/DTY48_1_20	30	1,2,3,4	A301	
5	SAM121	2	LT	Lê Minh Toàn	Phương pháp tiếp cận khoa học-1-20 (N01)/DTY48_1_20	30	1,2,3	A301	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 01/11/2020									
	INT532	3	LT	Đào Thị Thanh Huyền	TTNN 2: Kỹ thuật sản xuất rau hoa ứng dụng công nghệ cao-1-20 (N01)/TT50_1_20	50			
	INT532	3	LT	Hà Việt Long	TTNN 2: Kỹ thuật sản xuất rau hoa ứng dụng công nghệ cao-1-20 (N02)/NNCNC K50_1_20	25			
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 15/11/2020									

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
	SIM423	2	LT	Bùi Lan Anh	RN3: Điều tra, nhận biết, phòng trừ sâu bệnh hại cây ăn quả và cây công nghiệp-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25			
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 29/11/2020									
	IPF423	2	LT	Lê Thị Kiều Oanh	TTNN3: Ứng dụng biện pháp phòng trừ dịch cho cây trồng tại trường-1-20 (N01)/BVTV49_1_20	25			
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
	MPA611	1	LT	Phạm Văn Ngọc	RN1: Sản xuất giá thể và pha chế dung dịch dinh dưỡng.-1-20 (N01)/NNCNCK51_1_20	20			
	SPC515	1	LT	Dương Trung Dũng	Rèn nghề 5: Công nghệ thu hái và chế biến chè-1-20 (N01)/TT49(POHE)_1_20	55			

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Khoa Quản lý tài nguyên

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 06/09/2020									
2	TGP331	2	LT	Nông Thị Thu Huyền	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	9,10	D201	
	PCT421	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
3	TGP331	2	LT	Nông Thị Thu Huyền	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	9,10	D201	
4	BCN431	3	LT	Nguyễn Đức Quang	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	3,4,5	D405	
	PCT421	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7	D201	
5	BCN431	3	LT	Nguyễn Đức Quang	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	3,4	D404	
	EMD321	2	LT	Nguyễn Thu Thùy	Quản lý môi trường và PTBV-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	8,9	D201	
6	SRA331	3	LT	Phan Đình Binh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	9,10	D201	
	HBM331	3	LT	Vũ Thị Thanh Thủy	Quản trị kinh doanh khách sạn-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	3,4	D105	
	PCT421	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
	PCT421	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	1,2	D105	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 27/09/2020									
2	RCO221	2	LT	Trương Thành Nam	Kinh tế tài nguyên-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	3,4	A303	
3	LRM321	2	LT	Nguyễn Khắc Thái Sơn	Quản lý tài nguyên đất-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2	D201	
	CPV221	2	LT	Nguyễn Đức Nhuận	Văn hóa các dân tộc Việt nam-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	3,4,5	D201	
4	RCO221	2	LT	Trương Thành Nam	Kinh tế tài nguyên-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	3,4	A303	
	MRM221	2	LT	Dương Hồng Việt	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2	D201	
	TOO221	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Tổng quan du lịch-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	3,4,5	D201	
5	TOL221	2	LT	Nguyễn Thị Lợi	Pháp luật du lịch-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2	D201	
6	REC100	2	LT	Trương Thành Nam	Kinh tế tài nguyên-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2	D201	
	SLA121	2	LT	Vương Vân Huyền	Nhà nước và Pháp luật-1-20 (N01)/CNSHK51, KTNN51_1_20	25	1,2	A202	
	TOO221	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Tổng quan du lịch-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	3,4	D201	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 30/08/2020									
2	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
3	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	3,4	A303	
	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	4,5	D105	
	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
4	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	1,2	D105	
5	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	3,4	A303	
	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 13/09/2020									
2	CST321	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	3,4,5	D201	
5	CST321	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	3,4,5	D201	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 01/11/2020									
4	VNR231	3	LT	Nguyễn Thu Thủy	Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2,3	D501	
6	ECO331	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Du lịch sinh thái-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	6,7,8	D501	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 04/10/2020									
3	SRM331	3	LT	Dương Minh Hòa	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/KHMTK51_1_20	45	9,10	D105	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 15/11/2020									
2	RDP321	2	LT	Lành Ngọc Tú	Quy hoạch phát triển nông thôn-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	6,7	A303	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 08/11/2020									
5	SOI231	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Thổ nhưỡng-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
3	GEO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh	Trắc địa I-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
4	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N02)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									
6	FRS221	2	LT	Phan Đình Bình	Cơ sở viễn thám-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2,3	A303	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 11/10/2020									
4	TGE221	2	LT	Nguyễn Đình Thi	Địa lý du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	8,9,10	D201	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 04/10/2020									
3	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	4,5	D105	
4	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	1,2	D105	
5	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	1,2,3,4,5	PM201	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 27/09/2020									

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
2	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
3	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	3,4	A303	
	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	6,7,8,9,10	BMTDBD	
	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
4	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
5	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	3,4	A303	
	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	6,7,8,9,10	BMKHD	
	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2	A303	
6	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	6,7,8,9,10	BMKHD	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 18/10/2020									
3	BCN431	3	LT	Nguyễn Đức Quang	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	6,7,8,9,10	P.Thực hành23	
5	BCN431	3	LT	Nguyễn Đức Quang	Giao dịch và đàm phán trong kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50_1_20	40	1,2,3,4,5	P.Thực hành23	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 01/11/2020									
5	EMD321	2	LT	Nguyễn Thu Thùy	Quản lý môi trường và PTBV-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	8,9,10	D201	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 27/09/2020									
2	TGP331	2	LT	Nông Thị Thu Huyền	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 20/09/2020									
6	SRA331	3	LT	Phan Đình Binh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
	HBM331	3	LT	Vũ Thị Thanh Thủy	Quản trị kinh doanh khách sạn-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	1,2,3	D105	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 04/10/2020									
5	CST321	2	LT	Nguyễn Thùy Linh	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	7,8,9,10	BMQH	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 01/11/2020									
3	SRA331	3	LT	Phan Đình Binh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	1,2,3,4,5	PM301	
5	HBM331	3	LT	Vũ Thị Thanh Thủy	Quản trị kinh doanh khách sạn-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	1,2,3,4,5	BMTDBD	
6	SRA331	3	LT	Phan Đình Binh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
	HBM331	3	LT	Vũ Thị Thanh Thủy	Quản trị kinh doanh khách sạn-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	1,2,3	D105	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 11/10/2020									
4	FRS221	2	LT	Phan Đình Binh	Cơ sở viễn thám-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	7,8,9,10	PM301	
6	FRS221	2	LT	Phan Đình Binh	Cơ sở viễn thám-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2,3	A303	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 11/10/2020									

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
2	RCO221	2	LT	Trương Thành Nam	Kinh tế tài nguyên-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2,3	A303	
	CPV221	2	LT	Nguyễn Đức Nhuận	Văn hóa các dân tộc Việt nam-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2,3	D201	
3	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	2,3,4	A303	
	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	6,7,8,9,10	BMTDBD	
4	GIS231	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	1,2,3	A303	
5	LAS331	3	LT	Nông Thị Thu Huyền	Đánh giá đất-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	6,7,8,9,10	BMKHD	
	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	2,3,4	A303	
6	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35	6,7,8,9,10	BMKHD	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 01/11/2020									
2	TGP331	2	LT	Nông Thị Thu Huyền	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8	D201	
4	TGP331	2	LT	Nông Thị Thu Huyền	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	1,2,3,4	BMKHD	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 08/11/2020									
3	LRM321	2	LT	Nguyễn Khắc Thái Sơn	Quản lý tài nguyên đất-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2,3	D201	
4	MRM221	2	LT	Dương Hồng Việt	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2,3	D201	
5	TOL221	2	LT	Nguyễn Thị Lợi	Pháp luật du lịch-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2,3	D201	
6	REC100	2	LT	Trương Thành Nam	Kinh tế tài nguyên-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	1,2,3	D201	
	SLA121	2	LT	Vương Vân Huyền	Nhà nước và Pháp luật-1-20 (N01)/CNSHK51, KTNN51_1_20	25	1,2,3	A202	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 29/11/2020									
3	SRM331	3	LT	Dương Minh Hòa	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/KHMTK51_1_20	45	9,10	D105	
5	SRM331	3	LT	Dương Minh Hòa	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N01)/KHMTK51_1_20	45	1,2,3,4	PM202	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 11/10/2020									
4	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	1,2	D105	
5	SRA331	3	LT	Lưu Thùy Linh	Phương pháp nghiên cứu khoa học-1-20 (N02)/KTNNK51_1_20	15	1,2,3,4,5	PM201	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 01/11/2020									
3	CPV221	2	LT	Nguyễn Đức Nhuận	Văn hóa các dân tộc Việt nam-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30	6,7,8,9	BMKHD	
4	TGE221	2	LT	Nguyễn Đình Thi	Địa lý du lịch-1-20 (N01)/QLTN&MT K50_1_20	30	6,7,8,9	BMKHD	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 22/11/2020									
3	GEO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh	Trắc địa I-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8,9	BMQH	
4	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N02)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8,9	BMQH	
5	GEO231	3	LT	Nguyễn Ngọc Anh	Trắc địa I-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	1,2,3,4	BMQH	
6	RME331	3	LT	Vũ Thị Kim Hảo	Thị trường bất động sản-1-20 (N02)/QLDDK51_1_20	35	1,2,3,4	BMQH	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 22/11/2020									

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
2	VNR231	3	LT	Nguyễn Thu Thùy	Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2	D501	
4	ECO331	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Du lịch sinh thái-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	3,4	D501	
	VNR231	3	LT	Nguyễn Thu Thùy	Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	1,2	D501	
6	ECO331	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Du lịch sinh thái-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35	6,7	D501	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 15/11/2020									
3	SOI231	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Thổ nhưỡng-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	1,2,3,4	BMKHD	
5	SOI231	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Thổ nhưỡng-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 29/11/2020									
2	RDP321	2	LT	Lành Ngọc Tú	Quy hoạch phát triển nông thôn-1-20 (N01)/PTNT49_1_20	20	6,7,8,9	A303	
3	SOI231	3	LT	Hoàng Hữu Chiến	Thổ nhưỡng-1-20 (N01)/QLDDK51_1_20	35	1,2,3,4	BMKHD	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
	LMA905	10	LT		Thực tập tốt nghiệp (QLDD)-1-20 (N01)/QLDD49N01_1_20	50			
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 25/10/2020									
	LUS622	2	LT	Ngô Thị Hồng Gấm	Rèn nghề 2: Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ ảnh viễn thám-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35			
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
	PAG512	1	LT	Nông Thị Thu Huyền	TTNN 2: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng sử dụng đất nông nghiệp cấp xã phường-1-20 (N01)/QLĐĐ K50_1_20	35			
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 22/11/2020									
	DIT423	2	LT	Hoàng Hữu Chiến	Rèn nghề 3: Thiết kế và thực hiện một tour du lịch-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30			
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
	EPD512	1	LT	Hoàng Hữu Chiến	TTNN 2: Xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái-1-20 (N01)/QLTN&MTK51_1_20	35			
	SER411	1	LT	Nguyễn Thu Thùy	TTNN 1: Điều tra, đánh giá tài nguyên thiên nhiên-1-20 (N01)/QLTNMT49_1_20	30			

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Trung tâm ngoại ngữ và Tin học

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 15/11/2020									
2	ENG133	3	LT	Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N04)/CNTPK51, CNSH51, ATTP51_1_20	45	3,4,5	A401	
	ENG133	3	LT	Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N06)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
5	ENG133	3	LT	Bùi Thị Kiều Giang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N05)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	2,3,4	A302	
	ENG133	3	LT	Nguyễn Lan Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N07)/QLTN&MTK51_1_20	35	2,3,4	D501	
6	ENG133	3	LT	Nguyễn Lan Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N08)/KHMTK51, QLTT51_1_20	45	6,7,8	D105	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 23/08/2020									
3	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N09)/CNTY(POHE)51_1_20	38	2,3,4	D202	
6	ENG133	3	LT	Phạm Thu Trang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 18/10/2020									
3	ENG133	3	LT	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N02)/LS51, QLTNR51, KTNN51_1_20	50	6,7,8	A203	
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 08/11/2020									
3	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N09)/CNTY(POHE)51_1_20	38	2,3,4	D202	
6	ENG133	3	LT	Phạm Thu Trang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 01/11/2020									
3	ENG133	3	LT	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N02)/LS51, QLTNR51, KTNN51_1_20	50	6,7,8	A203	
5	ENG133	3	LT	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N02)/LS51, QLTNR51, KTNN51_1_20	50	6,7,8	A203	
Giai đoạn : 02/11/2020 đến 08/11/2020									
3	ENG133	3	LT	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N02)/LS51, QLTNR51, KTNN51_1_20	50	6,7,8	A203	
5	ENG133	3	LT	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N02)/LS51, QLTNR51, KTNN51_1_20	50	6,7,8	A203	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 15/11/2020									
2	ENG133	3	LT	Phạm Thu Trang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
3	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N09)/CNTY(POHE)51_1_20	38	2,3,4	D202	
5	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N09)/CNTY(POHE)51_1_20	38	2,3,4	D202	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	ENG133	3	LT	Phạm Thu Trang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 22/11/2020									
2	ENG133	3	LT	Phạm Thu Trang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
	ENG133	3	LT	Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N04)/CNTPK51, CNSH51, ATTP51_1_20	45	3,4,5	A401	
	ENG133	3	LT	Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N06)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
3	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ENG133	3	LT	Nguyễn Lan Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N07)/QLTN&MTK51_1_20	35	2,3,4	D501	
	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N09)/CNTY(POHE)51_1_20	38	2,3,4	D202	
4	ENG133	3	LT	Bùi Thị Kiều Giang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N05)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	2,3,4	A302	
	ENG133	3	LT	Nguyễn Lan Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N08)/KHMTK51, QLTT51_1_20	45	6,7,8	D105	
5	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N01)/CNTYK51_1_20	35	6,7,8	D203	
	ENG133	3	LT	Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N04)/CNTPK51, CNSH51, ATTP51_1_20	45	3,4,5	A401	
	ENG133	3	LT	Bùi Thị Kiều Giang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N05)/TTK51, NNCNC51_1_20	35	2,3,4	A302	
	ENG133	3	LT	Văn Thị Quỳnh Hoa	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N06)/QLDDK51_1_20	35	6,7,8	D501	
	ENG133	3	LT	Nguyễn Lan Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N07)/QLTN&MTK51_1_20	35	2,3,4	D501	
	ENG133	3	LT	Vũ Kiều Hạnh	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N09)/CNTY(POHE)51_1_20	38	2,3,4	D202	
6	ENG133	3	LT	Phạm Thu Trang	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N03)/TYK51_1_20	55	6,7,8	A102	
	ENG133	3	LT	Nguyễn Lan Hương	Tiếng Anh 3 (3TC)-1-20 (N08)/KHMTK51, QLTT51_1_20	45	6,7,8	D105	

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : QTPV

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 23/08/2020									
4	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N17)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	5	D203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N43)/KTNNK51_1_20	15	3	D105	
5	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N28)/QLTN&MT K50_1_20	30	10	D201	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N29)/QLDDK51_1_20	35	9	D501	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N35)/LN49_1_20	35	5	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N36)/QLTNR49_1_20	35	10	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N39)/QLTNRK51_1_20	15	9	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N41)/PTNT49_1_20	20	10	A303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N42)/KTNN K50_1_20	40	5	D404	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N55)/CNTP 51 (CTTT)_1_20	15	5	D304	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N03)/TY49N01_1_20	55	4	D402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N04)/TY49N02_1_20	55	10	D403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N05)/TY49N03_1_20	55	10	D402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N06)/CNTY K50_1_20	50	4	D302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N07)/TY K50N01_1_20	44	9	D302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N08)/CNTYK51_1_20	35	8	D203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N09)/KH&QLMT K51_1_20	50	4	D304	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N10)/TYK51_1_20	55	9	A102	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N11)/CNSH49_1_20	25	5	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N12)/CNTP 49_1_20	28	10	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N13)/CNSH K50_1_20	23	10	A301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N14)/TY K50N02_1_20	45	9	D301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N15)/TY K50N03_1_20	43	4	D401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N18)/CNTPK51_1_20	45	5	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N19)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	10	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N20)/CNSHK51_1_20	25	3	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N21)/BVTV49_1_20	25	4	A402	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N22)/TT K50_1_20	25	5	A403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N23)/NNCNC K50_1_20	25	9	A403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N24)/TTK51_1_20	35	5	A302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N25)/NNCNCK51_1_20	20	9	A302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N26)/QLTNMT49_1_20	30	5	D201	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N27)/QLĐĐ K50_1_20	35	4	A303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N30)/QLTN&MTK51_1_20	35	4	D501	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N32)/KHMT 50_1_20	35	9	A402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N33)/KHMTK51_1_20	45	9	D105	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N34)/QLTTK51_1_20	15	4	D502	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N37)/QLTNR K50_1_20	35	4	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N38)/LS 51_1_20	35	9	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N40)/KTNN49_1_20	50	10	D401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N44)/CNTY(POHE)51_1_20	38	4	D202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N45)/TT49(POHE)_1_20	55	9	D405	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N46)/TY48N01_1_20	60	5	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N47)/TY48N02_1_20	45	9	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N48)/TY48N03_1_20	55	4	D403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N50)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	10	D504	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N53)/K49KTNN-CTTT_1_20_1E4	50	9	D505	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N54)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	5	D304	
7	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9	D404	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N16)/CNTP K50_1_20	45	10	A301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N31)/KHMT49_1_20	30	4	D301	
Giai đoạn : 07/09/2020 đến 13/09/2020									
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N46)/TY48N01_1_20	60	5	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N47)/TY48N02_1_20	45	9	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N48)/TY48N03_1_20	55	4	D403	
7	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9	D404	
Giai đoạn : 14/09/2020 đến 20/09/2020									
4	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N17)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	5	D203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N42)/KTNN K50_1_20	40	4	D405	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N43)/KTNNK51_1_20	15	3	D105	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
5	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N06)/CNTY K50_1_20	50	5	D302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N22)/TT K50_1_20	25	5	A403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N29)/QLDDK51_1_20	35	9	D501	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N35)/LN49_1_20	35	5	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N36)/QLTNR49_1_20	35	10	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N39)/QLTNRK51_1_20	15	9	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N41)/PTNT49_1_20	20	10	A303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N55)/CNTP 51 (CTTT)_1_20	15	5	D304	
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N03)/TY49N01_1_20	55	4	D402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N07)/TY K50N01_1_20	44	9	D302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N08)/CNTYK51_1_20	35	10	D203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N09)/KH&QLMT K51_1_20	50	4	D304	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N10)/TYK51_1_20	55	9	A102	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N11)/CNSH49_1_20	25	5	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N12)/CNTP 49_1_20	28	10	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N13)/CNSH K50_1_20	23	10	A301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N14)/TY K50N02_1_20	45	9	D301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N15)/TY K50N03_1_20	43	4	D401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N18)/CNTPK51_1_20	45	5	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N19)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	10	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N20)/CNSHK51_1_20	25	3	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N21)/BVTV49_1_20	25	4	A402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N23)/NNCNC K50_1_20	25	9	A403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N24)/TTK51_1_20	35	5	A302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N25)/NNCNCK51_1_20	20	9	A302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N26)/QLTNMT49_1_20	30	5	D201	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N27)/QLĐĐ K50_1_20	35	4	A303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N28)/QLTN&MT K50_1_20	30	9	D201	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N30)/QLTN&MTK51_1_20	35	4	D501	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N32)/KHMT 50_1_20	35	9	A402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N33)/KHMTK51_1_20	45	9	D105	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N34)/QLTTK51_1_20	15	4	D502	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N37)/QLTNR K50_1_20	35	4	A203	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N38)/LS 51_1_20	35	9	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N40)/KTNN49_1_20	50	10	D401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N44)/CNTY(POHE)51_1_20	38	4	D202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N45)/TT49(POHE)_1_20	55	9	D405	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N50)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	10	D504	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N53)/K49KTNN-CTTT_1_20_1E4	50	9	D505	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N54)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	5	D304	
7	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N16)/CNTP K50_1_20	45	10	A301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N31)/KHMT49_1_20	30	4	D301	
Giai đoạn : 12/10/2020 đến 18/10/2020									
5	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N55)/CNTP 51 (CTTT)_1_20	15	5	D304	
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N09)/KH&QLMT K51_1_20	50	4	D304	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N46)/TY48N01_1_20	60	5	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N47)/TY48N02_1_20	45	9	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N48)/TY48N03_1_20	55	4	D403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N50)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	10	D504	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N53)/K49KTNN-CTTT_1_20_1E4	50	9	D505	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N54)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	5	D304	
7	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N02)/CNTY49(POHE)_1_20	65	9	D404	
Giai đoạn : 19/10/2020 đến 25/10/2020									
3	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N43)/KTNNK51_1_20	15	4	D105	
4	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N14)/TY K50N02_1_20	45	8	D301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N17)/DBCL&ATTP 50_1_20	33	5	D203	
5	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N06)/CNTY K50_1_20	50	4	D302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N15)/TY K50N03_1_20	43	5	D401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N29)/QLDDK51_1_20	35	9	D501	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N35)/LN49_1_20	35	3	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N36)/QLTNR49_1_20	35	10	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N39)/QLTNRK51_1_20	15	9	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N41)/PTNT49_1_20	20	10	A303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N04)/TY49N02_1_20	55	10	D403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N05)/TY49N03_1_20	55	10	D402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N07)/TY K50N01_1_20	44	10	D302	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N08)/CNTYK51_1_20	35	9	D203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N10)/TYK51_1_20	55	9	A102	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N11)/CNSH49_1_20	25	5	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N12)/CNTP 49_1_20	28	10	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N13)/CNSH K50_1_20	23	10	A301	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N18)/CNTPK51_1_20	45	5	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N19)/DBCL&ATTPK51_1_20	35	10	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N20)/CNSHK51_1_20	25	4	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N21)/BVTV49_1_20	25	5	A402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N24)/TTK51_1_20	35	5	A302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N25)/NNCNCK51_1_20	20	9	A302	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N26)/QLTNMT49_1_20	30	4	D201	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N28)/QLTN&MT K50_1_20	30	9	D201	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N30)/QLTN&MTK51_1_20	35	4	D501	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N32)/KHMT 50_1_20	35	9	A402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N33)/KHMTK51_1_20	45	9	D105	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N34)/QLTTK51_1_20	15	4	D502	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N38)/LS 51_1_20	35	9	A203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N40)/KTNN49_1_20	50	10	D401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N44)/CNTY(POHE)51_1_20	38	4	D202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N45)/TT49(POHE)_1_20	55	9	D405	
7	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	5	D404	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N31)/KHMT49_1_20	30	4	D301	
Giai đoạn : 09/11/2020 đến 15/11/2020									
5	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N55)/CNTP 51 (CTTT)_1_20	15	5	D304	
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N09)/KH&QLMT K51_1_20	50	4	D304	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N50)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	10	D504	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N53)/K49KTNN-CTTT_1_20_1E4	50	9	D505	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N54)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	5	D304	
7	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N01)/CNTY49N01_1_20	72	5	D404	
Giai đoạn : 16/11/2020 đến 22/11/2020									
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N46)/TY48N01_1_20	60	5	D303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N47)/TY48N02_1_20	45	9	D303	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N48)/TY48N03_1_20	55	4	D403	
Giai đoạn : 23/11/2020 đến 29/11/2020									
5	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N05)/TY49N03_1_20	55	9	D402	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N10)/TYK51_1_20	55	10	A102	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N20)/CNSHK51_1_20	25	3	A401	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N33)/KHMTK51_1_20	45	9	D105	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N34)/QLTTK51_1_20	15	4	D502	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N35)/LN49_1_20	35	5	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N36)/QLTNR49_1_20	35	10	A202	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N41)/PTNT49_1_20	20	10	A303	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N44)/CNTY(POHE)51_1_20	38	5	D202	
6	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N04)/TY49N02_1_20	55	10	D403	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N08)/CNTYK51_1_20	35	8	D203	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N12)/CNTP 49_1_20	28	10	D205	
	SH	1	LT		Sinh hoạt-1-20 (N24)/TTK51_1_20	35	3	A302	

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
PHÒNG ĐÀO TẠO

THỜI KHÓA BIỂU CHÍNH THỨC
Học kỳ 1 Năm học 2020_2021

Đơn vị đảm nhận : Chương trình tiên tiến

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 20/09/2020									
2	ECON271	3	LT	Dương Hoài An	Giới thiệu kinh tế lượng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	4,5	D305	
	MTHS110	3	LT	Lê Minh Tú	Kỹ năng định lượng với các ứng dụng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	1,2,3	D305	
3	LSU251	3	LT		Giới thiệu phân tích kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	9,10	D505	
	LSU251	3	LT		Giới thiệu phân tích kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	6,7,8	D505	
	ESP100	3	LT		Sinh thái đại cương-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7	D304	
	AW1	3	LT	Trương Ánh Tuyết	Viết chuyên ngành: khoa học-1-20 (N02)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7	D504	
4	MTHS110	3	LT	Lê Minh Tú	Kỹ năng định lượng với các ứng dụng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	1,2	D504	
	STA100	3	LT	Phạm Thanh Hiếu	Thống kê ứng dụng trong sinh học-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7	D304	
5	ESP100	3	LT		Sinh thái đại cương-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7	D304	
	STA100	3	LT	Phạm Thanh Hiếu	Thống kê ứng dụng trong sinh học-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	8,9	D304	
	AW1	3	LT	Trương Ánh Tuyết	Viết chuyên ngành: khoa học-1-20 (N02)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7	D504	
6	ECON271	3	LT	Dương Hoài An	Giới thiệu kinh tế lượng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	1,2,3	D305	
7	ABT180	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý (CTTT)-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	1,2	D304	
	ABT180	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý (CTTT)-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	3,4	D304	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 29/11/2020									
2	FEN332	3	LT		Kỹ thuật thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	1,2,3	D504	
	ECON377	3	LT	Hồ Văn Bắc	Phân tích hiệu quả và năng suất-1-20 (N01)/K49KTNN-CTTT_1_20	50	6,7,8	D505	
	MAT16A	2	LT	Nguyễn Thị Dung	Toán giải tích 1-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	1,2	D304	
3	WFC154	3	LT		Bảo tồn sinh học-1-20 (N01)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	1,2,3	D505	
	MST421	2	LT		Khoa học về thịt và công nghệ chế biến thịt-1-20 (N01)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	4,5	D504	
	BST231	3	LT	Phạm Thanh Hiếu	Thống kê kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	8,9,10	D305	
	PHY7A	2	LT		Vật lý đại cương A-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	1,2	D304	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
4	FVP421	2	LT	Nguyễn Đức Tuân	Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả-1-20 (N01)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	1,2	D505	
	IMI231	3	LT	Dương Hoài An	Giới thiệu kinh tế vi mô-1-20 (N01)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	3,4,5	D305	
	BIS2A	2	LT	Phạm Bằng Phương	Sinh học đại cương: Bản chất của cuộc sống trên Trái đất-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	3,4	D304	
	ECON317	3	LT	Lê Minh Tú	Thương mại và tài chính quốc tế-1-20 (N01)/K49KTNN-CTTT_1_20	50	6,7,8	D505	
	VN1	2	LT		Tiếng việt Cơ bản-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	1,2	D304	
	ERS120	3	LT	Nguyễn Thị Hà	Tương tác môi trường toàn cầu (CTTT)-1-20 (N01)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	8,9,10	D504	
5	IFT221	2	LT	Lương Hùng Tiến	Đại cương về khoa học thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 51 (CTTT)_1_20	50	6,7	D305	
	ECON328	3	LT		Đánh giá chính sách kinh tế vi mô-1-20 (N01)/K49KTNN-CTTT_1_20	50	6,7,8	D505	
	IMA231	3	LT	Đỗ Xuân Luận	Giới thiệu kinh tế vĩ mô-1-20 (N01)/KTNN K51(CTTT)_1_20	50	3,4,5	D305	
	CHE2A	2	LT	Nguyễn Thị Mai	Hóa học đại cương-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	3,4	D304	
	FSS1	2	LT	Lý Thị Thùy Dương	Kỹ năng mềm cho sinh viên-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	1,2	D304	
6	MDT421	2	LT		Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa-1-20 (N01)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	1,2	D504	
	BVT421	2	LT		Công nghệ đồ uống-1-20 (N01)/CNTP49(CTTT)_1_20	50	3,4	D504	
	CMN1	3	LT	Trần Lưu Hùng	Diễn thuyết đại cương-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	1,2,3	D304	
	ECON376	3	LT	Dương Hoài An	Kinh tế lượng ứng dụng-1-20 (N01)/K49KTNN-CTTT_1_20	50	6,7,8	D505	
	ERS182	3	LT		Ứng dụng GIS trong phân tích môi trường-1-20 (N01)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	7,8,9	D504	
7	ESP179	3	LT	Dương Hồng Việt	Đánh giá tác động môi trường (CTTT)-1-20 (N01)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	6,7,8	D504	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 25/10/2020									
2	FFR321	2	LT		Bao gói thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7,8	D305	
	SSC118	3	LT	Phan Đình Binh	Sử dụng đất và môi trường-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	9,10	D304	
3	SSC118	3	LT	Phan Đình Binh	Sử dụng đất và môi trường-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	9,10	D304	
4	ATM116	2	LT	Hồ Ngọc Sơn	Biến đổi khí hậu-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	8,9,10	D304	
	MM316	3	LT		Chiến lược marketing-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	3,4	D504	
5	MM316	3	LT		Chiến lược marketing-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	3,4	D504	
6	PLS144	2	LT	Trần Thu Hà	Cây và rừng-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	8,9,10	D304	
7	HMF321	2	LT		Truyền nhiệt và chuyển khối trong CNTP-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	1,2,3	D305	
Giai đoạn : 17/08/2020 đến 04/10/2020									
3	IC3	3	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Tin học - IC3-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	3,4,5	PMTV	

Thứ	Mã Học phần	TC	Hình thức	Giáo viên	Lớp học phần	Số SV	Tiết học	Hội trường	Ghi chú
Giai đoạn : 31/08/2020 đến 25/10/2020									
5	FCL211	1	LT	Vũ Thị Hạnh	Thực hành hoá thực phẩm-1-20 (N01)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	1,2,3,4	P.Thực hành21	
Giai đoạn : 21/09/2020 đến 25/10/2020									
2	ECON271	3	LT	Dương Hoài An	Giới thiệu kinh tế lượng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	4,5	D305	
	MTHS110	3	LT	Lê Minh Tú	Kỹ năng định lượng với các ứng dụng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	2,3	D305	
3	LSU251	3	LT		Giới thiệu phân tích kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	6,7	D505	
	LSU251	3	LT		Giới thiệu phân tích kinh doanh-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	8,9	D505	
	ESP100	3	LT		Sinh thái đại cương-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7,8	D304	
	AW1	3	LT	Trương Ánh Tuyết	Viết chuyên ngành: khoa học-1-20 (N02)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7,8	D504	
4	MTHS110	3	LT	Lê Minh Tú	Kỹ năng định lượng với các ứng dụng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	1,2	D305	
	STA100	3	LT	Phạm Thanh Hiếu	Thống kê ứng dụng trong sinh học-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7	D304	
5	ESP100	3	LT		Sinh thái đại cương-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7	D304	
	STA100	3	LT	Phạm Thanh Hiếu	Thống kê ứng dụng trong sinh học-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	8,9,10	D304	
	AW1	3	LT	Trương Ánh Tuyết	Viết chuyên ngành: khoa học-1-20 (N02)/CNTP 50 (CTTT)_1_20	50	6,7	D504	
6	ECON271	3	LT	Dương Hoài An	Giới thiệu kinh tế lượng-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	2,3	D305	
7	ABT180	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý (CTTT)-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	4,5	D304	
	ABT180	3	LT	Nguyễn Huy Trung	Hệ thống thông tin địa lý (CTTT)-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	1,2,3	D304	
Giai đoạn : 28/09/2020 đến 29/11/2020									
4	ERS192	1	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Thực tập nghề khoa học tài nguyên-1-20 (N01)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	1,2,3,4,5	PM302	
5	ERS192	1	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Thực tập nghề khoa học tài nguyên-1-20 (N01)/KH&QLMT49 (CTTT)_1_20	50	6,7,8,9,10	PM302	
Giai đoạn : 05/10/2020 đến 25/10/2020									
3	IC3	3	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Tin học - IC3-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	3,4,5	PMTV	
4	IC3	3	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Tin học - IC3-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	6,7,8,9	PMTV	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 29/11/2020									
4	IC3	3	LT	Nguyễn Văn Hiếu	Tin học - IC3-1-20 (N01)/KH&QLMT K51_1_20	50	6,7,8,9	PMTV	
Giai đoạn : 26/10/2020 đến 01/11/2020									
2	MM316	3	LT		Chiến lược marketing-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	3,4,5	D305	
	SSC118	3	LT	Phan Đình Bình	Sử dụng đất và môi trường-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7,8	D304	

Thứ	*Mã Học phần*	*TC*	*Hình thức*	*Giáo viên*	*Lớp học phần*	*Số SV*	*Tiết học*	*Hội trường*	Ghi chú
3	MM316	3	LT		Chiến lược marketing-1-20 (N01)/KTNN K50-CTTT_1_20	50	4,5	D305	
4	SSC118	3	LT	Phan Đình Binh	Sử dụng đất và môi trường-1-20 (N01)/KH&QLMT 50_1_20	50	6,7	D304	

Thái nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Đình Chi

PGS. TS. Nguyễn Thúy Hà